

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11/03/2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tuyển

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tĩnh

2. Bà Mai Thị Kim Hương

- Thư ký phiên tòa: Chị Đặng Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lâm Quang T, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: số 578/40 Hùng Vương, phường 15, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Đặng Thị Bé B, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 7/174 Thủ Khoa Huân, phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lâm Quang T trình bày tóm tắt như sau:

Anh Thi và chị Đặng Thị Bé B là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An vào ngày 05/7/1999. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, hai bên không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân nên anh Thi và chị Ba đã không còn chung sống từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Thi yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Ba.

Về con chung: Anh Thi xác định anh với chị Ba có hai con chung là Lâm Quang Sang, sinh ngày 30/11/1998 đã trưởng thành và Lâm Quang Trọng sinh ngày 09/02/2002 khi ly hôn anh Thi yêu cầu nuôi con chung Lâm Quang Trọng, không yêu cầu chị Ba cấp dưỡng nuôi con .

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Thi xác định hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn chị Đặng Thị Bé B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Ba không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của anh Thi. Chị Ba cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và phiên hòa giải. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, Anh Thi có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Chị Ba vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ba.

[2] Tại Tòa, vị đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An nhận định quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử đều tuân theo qui định pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo qui định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét mâu thuẫn giữa anh Thi và chị Ba là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: anh Thi với chị Ba có hai con chung là Lâm Quang Sang, sinh ngày 30/11/1998 và Lâm Quang Trọng sinh ngày 09/02/2002, đến thời điểm xét xử cả hai con chung đều đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung, anh Thi không có yêu cầu giải quyết, đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Quang T và chị Đặng Thị Bé B cưới nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/7/1999, nên quan hệ hôn nhân của anh Thi chị Ba chỉ được pháp luật thừa nhận là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[3.2]. Xét yêu cầu ly hôn của anh Thi, Hội đồng xét xử thấy rằng: chị Ba đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc anh Thi xin ly hôn với chị Ba tại Tòa án nhưng chị Ba không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên Tòa anh Thi xác định không còn tình cảm gì với chị Ba và cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được. Căn cứ tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Thi đối với chị Ba.

[4]. Về quyền nuôi con chung: Anh Thi với chị Ba có hai con chung là Lâm Quang Sang, sinh ngày 30/11/1998 và Lâm Quang Trọng sinh ngày 09/02/2002, đến thời điểm xét xử cả hai con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.1]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Về chi phí tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú hết 5.000.000đ, anh Thi đồng ý nộp, anh Thi đã nộp xong.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ tại Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Tạ Thị Ngọc Linh phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13; Các Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị anh Lâm Quang T xin ly hôn với chị Đặng Thị Bé B.

1. Về hôn nhân: anh Lâm Quang T được ly hôn với chị Đặng Thị Bé B.

2.1. Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: anh Thi với chị Ba có hai con chung là Lâm Quang Sang, sinh ngày 30/11/1998 và Lâm Quang Trọng sinh ngày 09/02/2002, đến thời điểm xét xử cả hai con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Cả hai con chung đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Lâm Quang T phải chịu 300.000đ. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh Thi đã nộp theo biên lai thu số 0002679 ngày 27/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An sang thi hành án phí. Chị Ba không phải chịu án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND thành phố Tân An;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Ngọc Tuyền